TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 20 -11-2019
V/v: " Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ba.

2. Ông Nguyễn Văn Phước.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Ngô Thị Thùy Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa***: Ông Phan Văn Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 519/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2019 về việc: " Ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2019/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 122/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 23 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

-***Nguyên đơn***: Anh Huỳnh Tấn T, sinh năm 1983.
HKTT: Khu dân cư số 8, thôn 2, xã Đ, huyện M, tỉnh Q.
Tạm trú: Phường Vạn Hạnh, thị xã P, tỉnh B.
-***Bị đơn***: Chị Nguyễn Thị Ái L, sinh năm 1984.
Địa chỉ: Ấp 4, xã B, huyện L, tỉnh Đ.
(Anh T có mặt, chị L vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 5 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như lời khai tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn anh Huỳnh Tấn T trình bày : Anh và chị Nguyễn Thị Ái L xây dựng gia đình với nhau vào năm 2009, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Mộ, tỉnh Q, chung sống đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân tính tình không phù

hợp, anh và chị L đã tự sống ly thân từ năm 2012 đến nay, hiện nay chị Liên đã có con riêng. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu được ly hôn chị L.

Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Tấn T, sinh ngày 24/6/2011

Từ khi cháu T sinh ra được vài tháng anh là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu cho đến nay . Nếu ly hôn anh đề nghị tiếp tục nuôi cháu T, không yêu cầu chị L cấp dưỡng.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Ái L đã được tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý và thông báo mở phiên họp, các quyết định tố tụng khác nhưng chị Liên đều vắng mặt, vì vậy không có lời khai của chị Liên.

Tại biên bản xác minh ngày 20/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành Công an xã, Tư pháp và Trưởng ấp 4 xã B cung cấp: Chị Nguyễn Thị Ái L hiện đang sinh sống tại số 500, ấp 4, xã B, huyện L, mâu thuẫn giữa anh T và chị L thì địa phương không biết, hiện không ai khởi kiện về nợ đối với anh T và chị L tại địa phương.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn anh T thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên bị đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Anh T và chị L chung sống với nhau có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9,10 Luật hôn nhân gia đình năm 2000, anh T và chị L đã tự sống ly thân nhau từ năm 2012 đến nay, không bàn bạc đoàn tụ được nên đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T.

Con chung: Có 01 con chung hiện đang sống với anh T, nguyện vọng của cháu T cũng muốn được sống với anh T, đề nghị giao cháu T cho anh T nuôi dưỡng.

Tài sản chung và nợ chung: Đương sự trình bày không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng : Chị Nguyễn Thị Ái L đã được tống hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị L xây dựng gia đình với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Q (giấy chứng nhận kết hôn số 13 ngày 02/4/2009) nên là hôn nhân hợp pháp theo Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000.

Anh T xin ly hôn chị L, vì xác định tình cảm vợ chồng không còn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng đã tự sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Xét thấy, thời gian sống ly thân giữa anh T và chị L kéo dài nhưng không bàn bạc đoàn tụ được, chứng tỏ mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên căn cứ Điều 11 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2000, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014, xử cho anh T được ly hôn chị L.

[3] Về con chung: Anh T và chị L có 01 con chung tên Huỳnh Tấn T, sinh ngày 24/6/2011, anh T có yêu cầu được nuôi con, cháu T đã trên 7 tuổi, qua tham khảo ý kiến của cháu có nguyện vọng được sống với anh T vì cháu chưa khi nào gặp mẹ nên giao cháu T cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Anh T nuôi con không yêu cầu chị L cấp dưỡng nên không xét.

[4] Tài sản chung và nợ chung: Anh T khai không có nên không xét.

[5] Về án phí: Anh Huỳnh Văn T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000, Điều 56, 81, 82, 83, 84, 131 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Huỳnh Tấn T, xử cho anh T được ly hôn chị Nguyễn Thị Ái L.

2. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Tấn T, sinh ngày 24/6/2011 cho anh Huỳnh Tấn T trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời chị Nguyễn Thị Ái L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Liên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 84, 110, 118 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014.

3. Tài sản chung, nợ chung : Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Huỳnh Tấn T phải chịu 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai số 0005253 ngày 11/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành. Anh T đã nộp đủ án phí.

5. Anh Huỳnh Tấn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị Ái L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :
-TAND T. Đồng Nai.
-VKSND H. Long Thành.
-THA H. Long Thành.
-Các đương sự.
-UBND xã Tâ, H. M,
Tỉnh Quảng Ngãi.
-Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Liên